TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2024/DS-PT
Ngày: 24/4/2024
"V/v Tranh chấp nợ hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Bà Phan Thị Hồng Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp nợ hụi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 186/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm: 1972. (Có mặt).

HKTT: Số D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: A, đường số I, khu dân cư E, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm: 1958. (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Người làm chứng: Bà **Trần Thanh T**, sinh năm: 1975. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: bà Huỳnh Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2023, bản tự khai ngày 18/10/2023 và bản tự khai ngày 08/11/2023 nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày và yêu cầu:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước với bà Huỳnh Thị N và được biết bà N có tổ chức chơi hụi nên bà có tham gia chơi hụi cùng với bà Huỳnh Thị N, cụ thể các dây hụi sau:

+ Dây hụi thứ nhất: Vào ngày 21/9/2019 (nhằm 30/3 AL) bà Huỳnh Thị N có mở dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi này gồm 35 hụi viên (tức là 35 phần), bà có tham gia 8 phần, hụi mãn vào ngày 01/02/2022 (nhằm 30/12 AL), bà đã hốt được 03 phần và còn lại 05 phần thì tôi đóng hụi được 29 tháng nhưng chưa hốt hụi. Đến ngày 02/3/2022 (nhằm 30/02 AL) bà hốt 05 phần hụi còn lại nhưng bị đơn không giao nên bị đơn còn nợ tiền hụi của tôi tổng cộng là 127.500.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Vào ngày 11/6/2020 (nhằm 25/4 AL) bà Huỳnh Thị N có mở dây hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 25 người hụi viên (tức là 25 phần), bà có tham gia 8 phần hụi và bà đã hốt được 03 phần, còn lại 05 phần chưa hốt. Số tiền cho 05 phần hụi chưa hốt là 40.000.000 đồng x 05 phần = 200.000.000 đồng, trừ lại 30.000.000 đồng hụi chết và tiền đầu thảo 5.000.000 đồng. Do đó, số tiền hụi còn lại bà chưa được nhận là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

+ Dây hụi thứ ba: Vào ngày 26/10/2020 (nhằm mùng 10 tháng 9/2020 âm lịch) bà Huỳnh Thị N có mở chân hụi với giá là 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 20 hụi viên (tức là 20 phần), bà có tham gia 2 phần, hụi mãn vào ngày 10/5/2022 (nhằm 10/4 AL). Đối với phần hụi này thì bà đã đóng được 09 lần x 2 phần x 5.000.000 triệu = 90.000.000 đồng. Đối với số tiền 90.000.000 đồng sẽ trừ tiền đầu thảo 5.000.000 đồng, còn lại là 85.000.000 đồng tiền hụi mà bị đơn chưa giao cho bà.

+ Dây hụi thứ tư: Vào ngày 24/6/2021 (nhằm 15/5 AL) bà Huỳnh Thị N có mở dây hụi 1.000.000 đồng, 15 ngày khui 01 lần, dây hụi này gồm 31 hụi viên (tức là 31 phần), bà có tham gia 10 phần và bà đã hốt được 06 phần, còn lại 04 phần chưa hốt. Tuy nhiên, đối với dây hụi này bị bể hụi nên bà còn nợ lại bà N tổng số tiền hụi của dây hụi này là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) và bà đồng ý khấu trừ lại các dây hụi mà bà N chưa giao hụi cho bà.

Tổng cộng 04 dây hụi nêu trên với số tiền là 377.500.000 đồng – 36.000.000 đồng = 341.500.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền hụi còn nợ lại là 341.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, trong vụ án này là tranh chấp nợ hụi giữa nguyên đơn và bị đơn nên không có người liên quan vì bà đã ly hôn vào năm 2006.

- ***Bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày***: Bà thừa nhận nguyên đơn có tham gia 04 dây hụi mà nguyên đơn vừa nêu trên là đúng với số tiền hụi nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, đối với dây hụi thứ nhất là đã mãn hụi nên nguyên đơn còn nợ lại bị đơn 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Đối với dây hụi thứ hai với tổng số tiền là 165.000.000 đồng (Một trăm sau mươi lăm triệu đồng) thì bị đơn chưa giao số tiền hụi này là do nguyên đơn còn nợ tiền bị đơn nên số tiền này là để khấu số nợ nguyên đơn nợ bị đơn 240.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận tại Tòa án quận C mà nguyên đơn phải thi hành để trả cho bị đơn mà nguyên đơn chưa trả nên bị đơn mới không giao tiền hụi này cho nguyên đơn. Đối với dây hụi thứ ba thì đã mãn và bà đã giao đủ số tiền 85.000.000 đồng (T1 mươi lăm triệu đồng) cho nguyên đơn rồi. Đối với dây hụi thứ tư thì do bể hụi nên nguyên đơn còn nợ lại bà 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Nay bà yêu cầu nguyên đơn khấu trừ lại số tiền hụi còn nợ là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) nên số tiền hụi còn lại là 121.000.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng), nếu nguyên đơn thống nhất với số tiền hụi này thì bà đồng ý trả 121.000.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng) này cho nguyên đơn. Ngoài ra, trong vụ án này là tranh chấp nợ hụi giữa bà và bà L nên không có người liên quan vì bà đã ly hôn vào năm 2000. Do hụi đã mãn từ lâu nên bà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật chứ bà không phản tố hay thắc mắc gì về các dây hụi đã mãn này vì các bên đã chốt được số hụi nên không có tranh chấp về hụi mà do bà L cho rằng bà còn nợ số tiền hụi của bà L là bà không đồng ý vì bà đã giao tiền hụi cho bà L rồi và bà chỉ còn nợ lại 121.000.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng) tiền hụi là để khấu trừ số nợ bà L phải trả cho bà, cho dù khấu trừ hết số tiền hụi này thì bà L vẫn còn nợ bà nên thực sự là bà không có nợ tiền hụi của bà L.

Người làm chứng bà Trần Thanh T trình bày: Bà là hụi viên vì bà có tham gia tổng cộng 03 dây hụi với tên gọi là "Vợ tèo" do bà Huỳnh Thị N làm chủ hụi, các dây hụi bà tham gia cụ thể là:

+ Dây hụi thứ nhất: Vào ngày 21/9/2019 (nhằm 30/3 AL) bà Huỳnh Thị N có mở dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi này gồm 35 hụi viên (tức là 35 phần), bà có tham gia 02 phần.

+ Dây hụi thứ hai: Vào ngày 11/6/2020 (nhằm 25/4 AL) bà Huỳnh Thị N có mở dây hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 25 người hụi viên (tức là 25 phần), bà có tham gia 05 phần hụi.

+ Dây hụi thứ ba: Vào ngày 26/10/2020 (nhằm mùng 10 tháng 9/2020 âm lịch) bà Huỳnh Thị N có mở dây hụi với giá là 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 20 hụi viên (tức là 20 phần), bà có tham gia 04 phần.

Tuy nhiên, việc bà tham gia hụi thì bà chỉ biết đóng hụi phần của bà chứ bà không nhớ được thời gian bà đã hốt hụi và bà cũng không có để ý thời gian nào mãn hụi nên bà chỉ biết đóng hụi phần của bà tham gia cho đến khi chủ hụi nói là hụi đã mãn thì bà mới không có đóng hụi nữa chứ bà cũng không có biết là hụi kết thúc khi nào. Đồng thời, bà cũng không có biết bà Lê Thị L đã hốt hụi hay chưa và hốt hụi khi nào vì có thời gian xảy ra đại dịch nên cũng ngưng đóng hụi một thời gian nhưng bà cũng không để ý là ngưng đóng hụi trong thời gian bao lâu. Do đó, bà chỉ làm chứng về việc 03 dây hụi có bà tham gia là đã mãn hụi từ lâu chứ bà không biết các sự việc khác vì hụi của ai thì người đó biết chứ bà không biết. Ngoài ra, do điều kiện bà ở xa và bận đi làm nên xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp và phiên tòa các cấp.

Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án sơ thẩm số 186/2023/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử và Quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về nợ hụi:

Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền hụi còn nợ là 341.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng).

Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ điều chỉnh.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì bị đơn còn phải trả lãi chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, bà Huỳnh Thị N là bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Do bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả tổng số tiền hụi là 341.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng) nên bị đơn không đồng ý vì bị đơn đã giao trước cho nguyên đơn số tiền hụi là 220.500.000 đồng (Hai tram hai mươi triệu, năm tram nghìn đồng) nên chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền hụi là 121.000.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng). Do đó, bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn – bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với Bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị đơn – bà Huỳnh Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N trình bày như sau: Bà thống nhất với số tiền tại dây hụi thứ hai và dây hụi thứ tư. Riêng dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ tư thì bà không đồng ý số tiền như bà L yêu cầu, vì bà cho rằng đã giao tiền cho bà L, không còn nợ bà L. Bà yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo và không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà trả số tiền là 341.500.000 đồng. Vì bà đã giao trước cho bà L số tiền hụi là 220.500.000 đồng, do đó bà chỉ còn nợ bà L số tiền là 121.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ về hình thức.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn nhận thấy.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn bà Huỳnh Thị N đều thừa nhận, từ năm 2019 đến năm 2021 bà L có tham gia 04 dây hụi do bà N làm chủ hụi. Bà L và bà N cũng thống nhất tổng số tiền hụi sau khi đã khấu trừ các khoản tiền liên quan đến 04 dây hụi mà bà L đã tham gia nên số tiền hụi còn lại là 341.500.000 đồng. Bà N cho rằng đã giao tiền hụi cho bà L tổng cộng là 220.500.000 đồng, nên bà chỉ còn nợ bà L số tiền 121.000.000 đồng. Do bà L còn nợ tiền của bà N 210.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án nhân dân quận Cái Răng nên bà chưa giao số tiền hụi còn nợ cho bà L. Tuy nhiên, bà N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã giao tiền hụi cho bà L như đã trình bày, trong khi bà L không thừa nhận. Nên bà N cho rằng đã giao tiền hụi cho bà L tổng cộng là 220.500.000 đồng trong tổng số tiền hụi 341.500.000 đồng còn thiếu là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả cho bà L số tiền hụi chưa giao 341.500.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 23 Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người kháng cáo; nội dung và hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo là đúng quy định tại các Điều 271,272,273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn là bà Huỳnh Thị N:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất tổng số tiền hụi sau khi đã khấu trừ các khoản tiền liên quan đến 04 dây hụi mà bà L đã tham gia nên số tiền hụi còn lại là 341.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) là đúng sự thật và được các bên thừa nhận nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã giao số tiền hụi cho nguyên đơn tổng cộng là 220.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện tại bị đơn còn giữ lại 121.000.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng) tiền hụi của nguyên đơn là do nguyên đơn còn nợ tiền của bị đơn 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 16/2023/QĐST-DS ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng nên bị đơn chưa giao tiền hụi cho nguyên đơn vì để khấu trừ số nợ này. Nhưng nguyên đơn thì cho rằng bị đơn chưa giao số tiền hụi 341.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn nợ này là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2023, bị đơn cũng thừa nhận các dây hụi và số tiền hụi mà các bên đã thống nhất. Bị đơn cho rằng đã giao số tiền hụi cho nguyên đơn tổng cộng là 220.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng) nên còn nợ lại số tiền hụi là 121.000.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu đồng) của nguyên đơn, phía nguyên đơn không thừa nhận việc đã nhận của bị đơn số tiền 220.500.000 đồng. Ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh việc đã giao số tiền 220.500.000 đồng cho nguyên đơn như biên lai giao nhận tiền, người làm chứng chứng kiến…bị đơn giao tiền. Mặt khác, bị đơn có yêu cầu người làm chứng là bà Trần Thanh T để Tòa án lấy lời khai và làm rõ sự việc nhưng bà T lại trình bày không biết việc bị đơn đã giao tiền hụi cho nguyên đơn mà bà T chỉ làm chứng về việc bản thân bà T có tham gia chơi hụi với bị đơn và

hụi đã mãn thì cũng không thể chứng minh được việc nguyên đơn đã nhận tiền hụi của bị đơn (bút lục 28). Do vậy, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên giữ nguyên.

[5] Về phần án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[5.2] Án phí phúc thẩm: do bị đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 186/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về nợ hụi:

Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền hụi còn nợ là 341.500.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng).

Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ điều chỉnh.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì bị đơn còn phải trả lãi chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị N phải chịu 17.075.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà N thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn yêu cầu được xét miễn án phí nên bà N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn được nhận lại 9.663.000

đồng (Chín triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003454 ngày 29/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị N không phải chịu nên được nhận lại số tiền đã tạm ứng theo biên lai số 0003110 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q. Cái Răng;
- Chi cục THADS Q. Cái Răng;
- Lưu: (HS - 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Bình